

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2791** /BNN-KTHT

Hà Nội, ngày **23** tháng **4** năm 2019

V/v đơn độc lập Dự án ổn định đời sống và
sản xuất cho người dân sau tái định cư các
dự án thủy lợi, thủy điện.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện và nhằm đảm bảo cuộc sống của người dân sau tái định cư được ổn định bền vững; đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh triển khai các nội dung như sau:

1. Rà soát, lập, thẩm định và phê duyệt các Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 và Quyết định số 06/2019/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo nhu cầu của tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Báo cáo tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các loại Dự án nêu trên gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và hòm thư điện tử: lienhb.ptnt@mard.gov.vn hoặc lienhb06@gmail.com trước ngày **26/5/2019** để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTHT (HL45b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình thực hiện các Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện (Dự án)

(Kèm theo Công văn số 2791 /BNN-KTHT ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. DỰ ÁN THUỘC QUYẾT ĐỊNH SỐ: 64/2014/QĐ-TTg NGÀY 18/11/2014, 06/2019/QĐ-TTg NGÀY 01/02/2019.

1. Kết quả lập dự án

- Tổng số có....công trình thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh có di dân, tái định cư thuộc phạm vi điều chỉnh và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 1 và Điều 23 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 và Quyết định số 06/2019/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phải lập Dự án đầu tư ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư.

- Nêu rõ căn cứ pháp lý của từng công trình (Các văn bản do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư, Thủ tướng phê duyệt dự án đầu tư; năm hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...).

- Kết quả lập Dự án đầu tư ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh: Đã phê duyệt... dự án, số quyết định phê duyệt.....; đang lập.... dự án; chưa lập.... dự án (ghi tên từng dự án).

2. Kết quả thực hiện các nội dung đầu tư

- Tổng số hộ được hỗ trợ....hộ, bao gồm:.....hộ tái định cư;hộ sở tại bị ảnh hưởng do thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư.

- Hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao với tổng số....ha,con, trong đó đã thực hiện hỗ trợ....ha,con

- Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông, lâm kết hợp với tổng diện tích là....ha, trong đó đã thực hiện là....ha.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề với tổng số.....người, trong đó đã hỗ trợ....người.

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các khu, điểm tái định cư với tổng số....công trình, trong đó đã thực hiện hoàn thành....công trình.

- Sắp xếp ổn định dân cư cho điểm tái định cư tập trung không có điều kiện ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư và bị ảnh hưởng do thiên tai với tổng số....hộ, trong đó đã thực hiện hoàn thành....hộ (nếu có).

N

3. Kết quả thực hiện vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư các dự án đầu tư ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện được duyệt là ...tỷ đồng; trong đó: Ngân sách trung ương...tỷ đồng; ngân sách địa phương...tỷ đồng; vốn khác.....tỷ đồng.

- Tổng vốn đã giao là..... tỷ đồng; trong đó: Ngân sách trung ương...tỷ đồng; ngân sách địa phương...tỷ đồng; vốn khác.....tỷ đồng.

- Tổng giá trị đã giải ngân là.....tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương...tỷ đồng; ngân sách địa phương...tỷ đồng; vốn khác.....tỷ đồng.

- Dự kiến phân kỳ đầu tư (Đối với Dự án mới): Năm 2021 là... tỷ đồng, năm 2022 là...tỷ đồng, năm 2023 là...tỷ đồng, năm 2024 là.....tỷ đồng, năm 2025 là.....tỷ đồng (trong đó phân rõ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn vốn khác).

4. Đánh giá chung

- Mặt được

- Một số mặt tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.

II. DỰ ÁN THEO NHU CẦU CỦA TỈNH (CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2014/QĐ-TTG)

1. Căn cứ lập Dự án

- Tổng số có.....công trình thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh có di dân, tái định cư có nhu cầu lập Dự án đầu tư ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư.

- Nêu rõ căn cứ pháp lý của từng công trình (Các văn bản do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư, Thủ tướng phê duyệt dự án đầu tư; năm hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...).

- Kết quả lập Dự án đầu tư ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh: Đã phê duyệt... dự án, số quyết định phê duyệt.....; đang lập.... dự án; chưa lập....dự án (ghi tên từng dự án).

2. Kết quả thực hiện các nội dung đầu tư

- Tổng số hộ được hỗ trợ....hộ, bao gồm:.....hộ tái định cư;hộ sở tại bị ảnh hưởng do thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư.

- Hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao với tổng số....ha,con, trong đó đã thực hiện hỗ trợ....ha,con

- Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông, lâm kết hợp với tổng diện tích là.....ha, trong đó đã thực hiện là.....ha.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề với tổng số.....người, trong đó đã hỗ trợ....người.

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các khu, điểm tái định cư với tổng số.....công trình, trong đó đã thực hiện hoàn thành....công trình.

- Sắp xếp ổn định dân cư cho điểm tái định cư tập trung không có điều kiện ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư và bị ảnh hưởng do thiên tai với tổng số....hộ, trong đó đã thực hiện hoàn thành....hộ (nếu có).

3. Kết quả thực hiện vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư các dự án đầu tư ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện được duyệt là ...tỷ đồng; trong đó: Ngân sách trung ương...tỷ đồng; ngân sách địa phương....tỷ đồng; vốn khác.....tỷ đồng.

- Tổng vốn đã giao là..... tỷ đồng; trong đó: Ngân sách trung ương...tỷ đồng; ngân sách địa phương....tỷ đồng; vốn khác.....tỷ đồng.

- Tổng giá trị đã giải ngân là.....tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương...tỷ đồng; ngân sách địa phương....tỷ đồng; vốn khác.....tỷ đồng.

- Phân kỳ đầu tư (Đối với Dự án mới): Năm 2021 là... tỷ đồng, năm 2022 là...tỷ đồng, năm 2023 là...tỷ đồng, năm 2024 là.....tỷ đồng, năm 2025 là.....tỷ đồng (trong đó phân rõ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn vốn khác).

4. Đánh giá chung

- Mặt được

- Một số mặt tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.



(Kèm theo Công văn số 2791 /BNN-KTHT ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (hộ)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn đã giao đến nay (Tỷ đồng)					Số vốn đã giải ngân đến nay (Tỷ đồng)					Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (Tỷ đồng)			NSDP	Nguồn vốn khác	Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSDP, NV khác)	Trong đó: NSTW			NSDP	Nguồn vốn khác	Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSDP, NV khác)	Trong đó: NSTW			NSDP	Nguồn vốn khác	
						Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				
							Tổng số	Vốn ĐTPT					Vốn SNKT	Tổng số					Vốn ĐTPT				Vốn SNKT
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																						
B	Dự án theo nhu cầu của tỉnh (các dự án không thuộc đối tượng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg)																						
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																						

h

**DỰ KIẾN PHÂN KỲ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TÁI ĐỊNH CƯ
CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN**

Đơn vị: tỷ đồng

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2021					Kế hoạch năm 2022					Ghi chú			
		Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSDP, NV khác)	Trong đó: NSTW		NSDP	Nguồn vốn khác	Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSDP, NV khác)	Trong đó: NSTW		NSDP	Nguồn vốn khác	Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSDP, NV khác)	Trong đó: NSTW		NSDP	Nguồn vốn khác				
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						
				Vốn ĐTPT					Vốn SNKT					Vốn ĐTPT				Vốn SNKT	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT
II	Dự án theo nhu cầu của tỉnh (các dự án không thuộc đối tượng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg)																			
	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																			

Lưu ý: Phân kỳ vốn đầu tư của các năm 2023, 2024, 2025 xem tại biểu 2b

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2023						Kế hoạch năm 2024						Kế hoạch năm 2025						Ghi chú
		Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSĐP, NV khác)	Trong đó: NSTW		NSĐP	Nguồn vốn khác	Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSĐP, NV khác)	Trong đó: NSTW		NSĐP	Nguồn vốn khác	Tổng số (các nguồn vốn: NSTW, NSĐP, NV khác)	Trong đó: NSTW		NSĐP	Nguồn vốn khác				
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						
				Vốn ĐTPT					Vốn SNKT					Vốn ĐTPT			Vốn SNKT	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT	
II	Dự án theo nhu cầu của tỉnh (các dự án không thuộc đối tượng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg)																			
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sản TĐC thủy điện (thủy lợi).....																			

Lưu ý: Tổng vốn đầu tư của giai đoạn 2021-2025 và phân kỳ vốn đầu tư của năm 2021,2022 xem tại biểu 2a

Phụ biểu 3

CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN

(Kèm theo Công văn số 2791 /BNN-KTHT ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo quyết định phê duyệt hoặc dự kiến		Ước thực hiện đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Dự kiến năm 2021		Dự kiến năm 2022		Dự kiến năm 2023		Dự kiến năm 2024		Dự kiến năm 2025	
			Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
II	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	
III	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																	
B	Dự án theo nhu cầu của tỉnh (các dự án không thuộc đối tượng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg)																	
I	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																	

✓